

**TÒA ÁN N H DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**N H DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N H DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm n H dân:

1. Bà Phạm Thị Mộng Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án n H dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát n H dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường Tòa án n H dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 462/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 965/3, ấp Tân Hữu, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 238/1, đường số 238, thôn 2A, xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị Tr. Vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2018, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc

không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu Tr trình bày: Chị và anh Nguyễn Anh D tự nguyện tìm hiểu với nhau vào năm 2009. Đến năm 2010, anh chị quyết định tiến đến hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đến năm 2014, vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình của vợ chồng không hòa hợp, anh D thường hay nhậu nhẹt với bạn bè bên ngoài, không lo làm ăn. Vợ chồng đã sống ly hôn khoảng hơn 06 tháng nay nên tình cảm đã bị sức mẻ, không còn yêu thương, quý trọng nhau. Nay chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/7/2011 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 29/12/2013. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng giáo dục 02 con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 05/01/2019 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Anh D trình bày: Anh và chị Trần Thị Thu Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai vào năm 2014. Trong cuộc sống giữa vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau nhưng chưa đến mức trầm trọng, việc anh nhậu nhẹt bên ngoài thì trước khi kết hôn chị Tr cũng đã biết. Trước đây, vợ chồng anh chung sống tại nhà gia đình bên vợ thì đã phát sinh một số mâu thuẫn, bức xúc với gia đình chị Tr nên anh mới bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã Đông Hà, huyện Đ để sinh sống. Anh và chị Tr đã sống ly hôn từ tháng 9/2018 đến nay. Nay chị Tr có yêu cầu được ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/7/2011 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 29/12/2013. Hiện các con đang sống chung với chị Tr. Khi ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng giáo dục 01 con chung, còn chị Tr nuôi dưỡng giáo dục 01 cháu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn anh Nguyễn Anh D không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được p H công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con trong quá trình giải quyết và đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng pháp luật.

Chị Trần Thị Thu Tr và anh Nguyễn Anh D tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không lo làm ăn mà hay nhậu nhẹt, chị đã nhiều lần khuyên bảo và cho anh D nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh D vẫn không thay đổi. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn yêu thương quý trọng nhau. Tại phiên tòa, chị Tr có nguyện vọng và cương quyết xin ly hôn nên cần chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr.

Về con chung: Vợ chồng chị Tr có 02 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/7/2011 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 29/12/2013. Hiện cả hai cháu đang sống ổn định cùng chị Tr, cháu K có nguyện vọng được chung sống cùng mẹ. Vì vậy, nên giao 02 cháu cho chị Tr nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Tại đơn khởi kiện và quá trình hòa giải tại Tòa án chị Tr không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Anh D nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân H: Chị Tr và anh D tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Đây là hôn nhân H hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân H chủ yếu là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con, chị Tr đã khuyên nhủ và tha thứ cho anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi. Chị Tr và anh D đều trình bày giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, anh D trình bày thêm giữa anh và gia đình chị Tr có xảy ra mâu thuẫn. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh D đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh D thật sự trầm trọng, anh D không còn tha thiết với cuộc hôn nhân H này, không có nguyện vọng muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ cho anh chị. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân H và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Tr là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/7/2011 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 29/12/2013. Xét thấy, anh chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu K hiện đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Thấy rằng, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào nguyện vọng của con và quyền lợi về mọi mặt của các con. Chị Tr là người có phẩm chất đạo đức tốt, đi làm công nhân H và có thu nhập. Hơn nữa, từ lúc sống ly hôn đến nay các con chung đều ở với chị Tr. Vì vậy, cần giao 02 cháu K và H cho chị Tr nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp thực tế và đúng quy định của pháp luật. Chị Tr không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên không phải xem xét trong bản án này.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu Tr ly hôn anh Nguyễn Anh D.

2/ Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu Tr được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con: Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/7/2011 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 29/12/2013. Anh Nguyễn Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0024963 ngày 05/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chi Tr đã nộp đủ án phí DSST.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/3/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ,
- Chi cục THA dân sự huyện Đ,
- UBND xã Xuân Thành, Xuân Lộc, Đồng Nai,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Văn Thuận